

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

V/v báo giá dịch vụ thuê hạ tầng Công nghệ thông tin

Kính gửi: Các công ty cung cấp dịch vụ
thuê hạ tầng Công nghệ thông tin tại Việt Nam

Cục Đăng kiểm Việt Nam chuẩn bị tổ chức lựa chọn đơn vị/nhà thầu cung cấp dịch vụ thuê hạ tầng công nghệ thông tin để vận hành hệ thống các phần mềm cung cấp Dịch vụ công trực tuyến để phục vụ việc triển khai các nhiệm vụ về xây dựng Chính phủ điện tử và Chuyển đổi số, với các hạng mục như sau:

TT	Gói dịch vụ	Số lượng	Số tháng
1	Máy chủ Private Cloud 444vCPU, 958Gb RAM, 23TB SSD, 35TB HDD, 58Tb (Backup), 15 IP Tĩnh, 1 VPC (dịch vụ đám mây riêng)	1	12
2	Phần mềm cân bằng tải (Elastic Load Balance) Connections per second (HTTP): 2000 / CPS HTTPS: 200 / CPS TCP: 200	1	12
3	License dịch vụ C-WAF (Băng thông 400Mbps - tần suất quét tối đa 3,000 - Chống DoS L7)	1	12
4	Máy chủ cài đặt C-WAF (4 vCore, 8GB Ram)	1	12
5	License dịch vụ Firewall L7 - Checkpoint NGTP	2	12
6	Máy chủ cài đặt Firewall (4 vCore, 8GB Ram)	2	12
7	Dịch vụ phòng chống tấn công DdoS Băng thông tấn công (500Mbps)	1	12
8	Kênh truyền dữ liệu WAN tới Cục ĐKVN (1Gbps)	1	12
9	Kênh quang trắng từ Hạ tầng thuê tới hạ tầng CNTT của Bộ GTVT tại CMC	1	12

Cục Đăng kiểm Việt Nam trân trọng kính mời quý công ty tham gia giới thiệu chào giá theo nội dung như trên.

Bản báo giá của Quý công ty xin gửi về Cục đăng kiểm Việt Nam (địa chỉ: số 18 Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội) trong thời gian sớm nhất. Chi tiết liên hệ Hoàng Nhật Linh, số điện thoại: 0947796869, email: linhhn@vr.org.vn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,DTTC.

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DTTC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Đạt

STT	Loại xe	Mô tả	Đơn vị
1	1	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	1
2	1	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	2
3	1	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	3
4	1	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	4
5	2	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	5
6	2	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	6
7	1	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	7
8	1	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	8
9	1	Loại xe tải trọng nhỏ (tải trọng ≤ 3.500 kg)	9